



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Sông Lam

Ngày 30/09/2025	10,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.9%	5.0%	4.5%

DT thuần Q3/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.00 -3.7%
YoY: ▼33.0 -12.6%

LN thuần Q3/25
13.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.80 25.3%
YoY: ▼0.20 -1.8%

LN sau thuế Q3/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.13 11.9%
YoY: ▼0.50 -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.0%
YoY: +/-▲ 1.4%

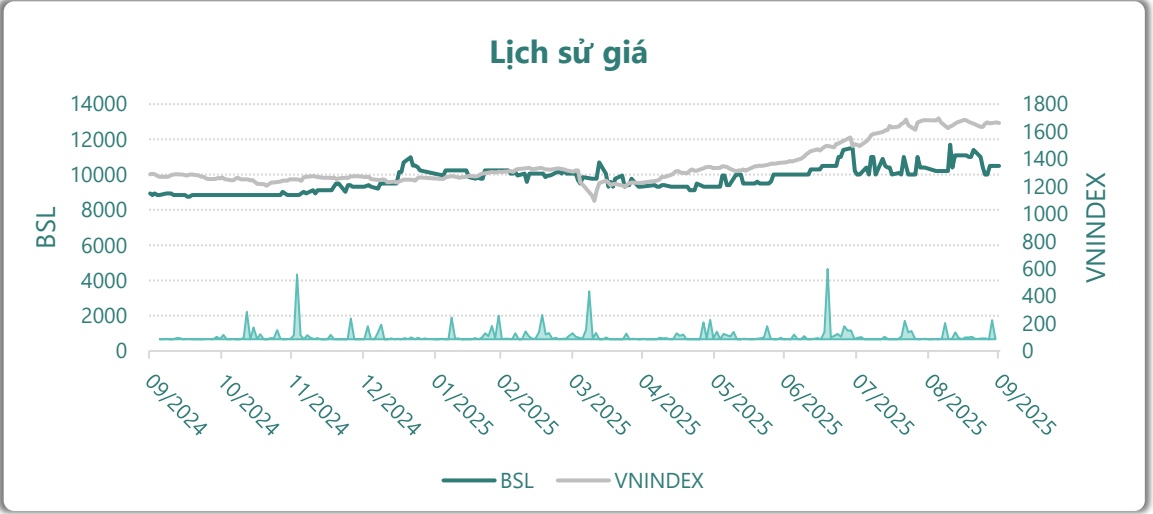
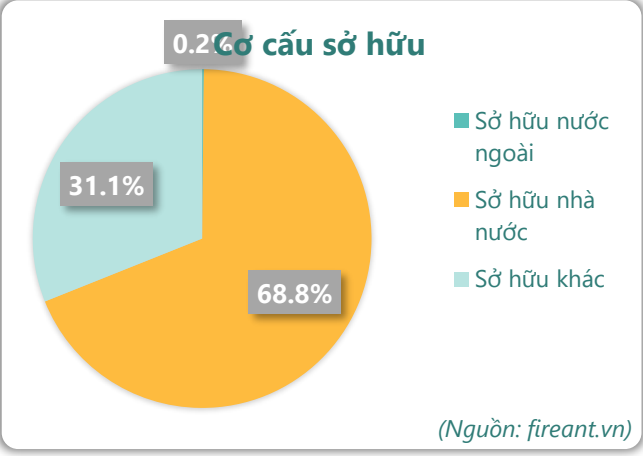
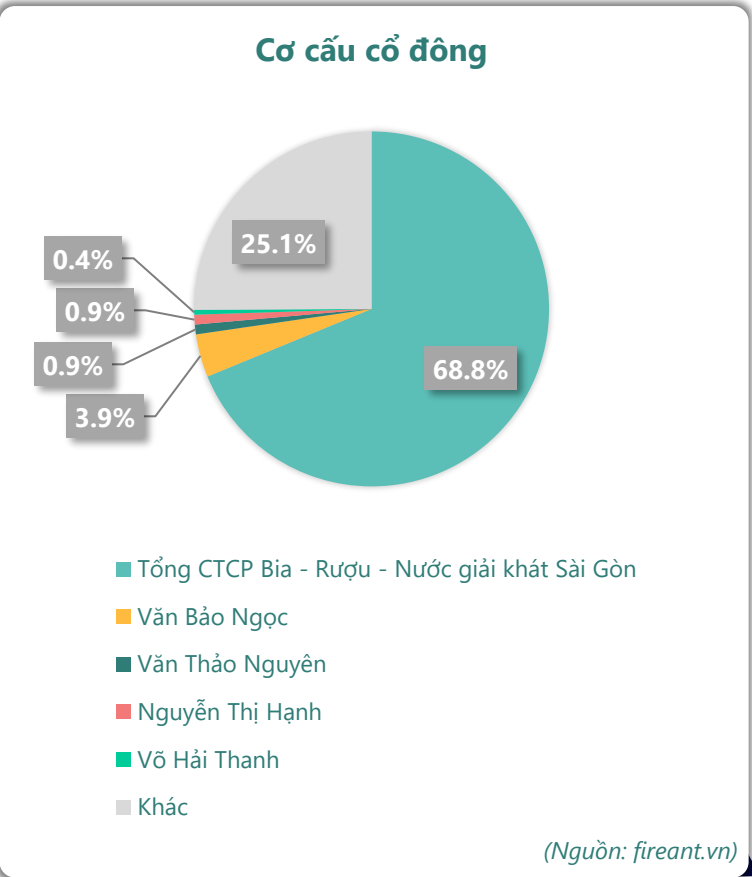
ROE (TTM) Q3/25
6.4%
YoY: +/-▼ 0.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,749 - 11,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	870
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.31
EPS	702
P/E	15.0

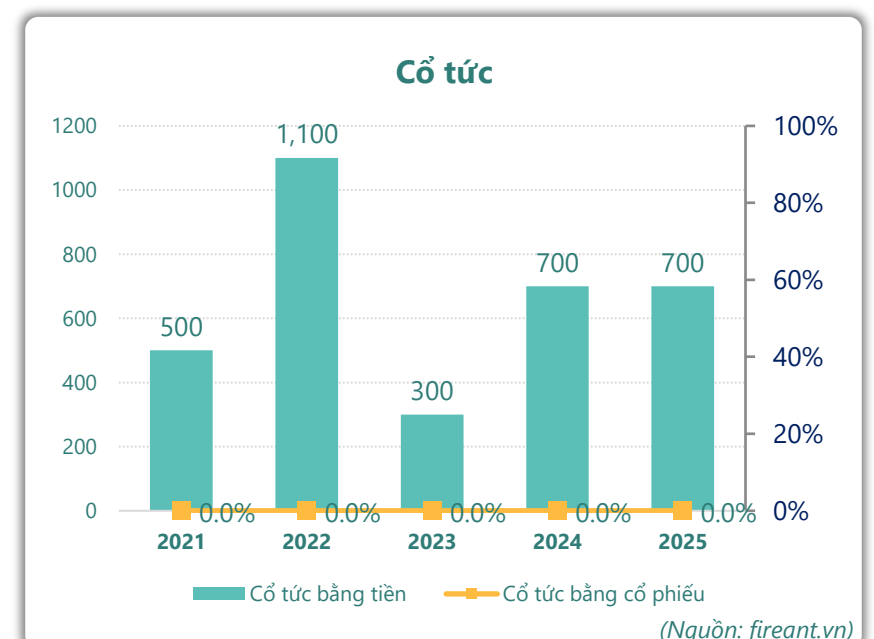
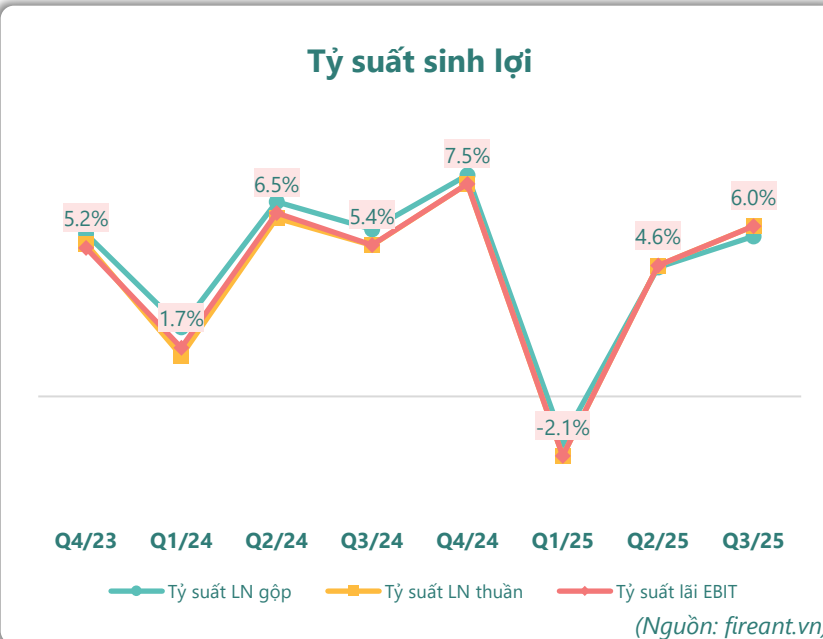
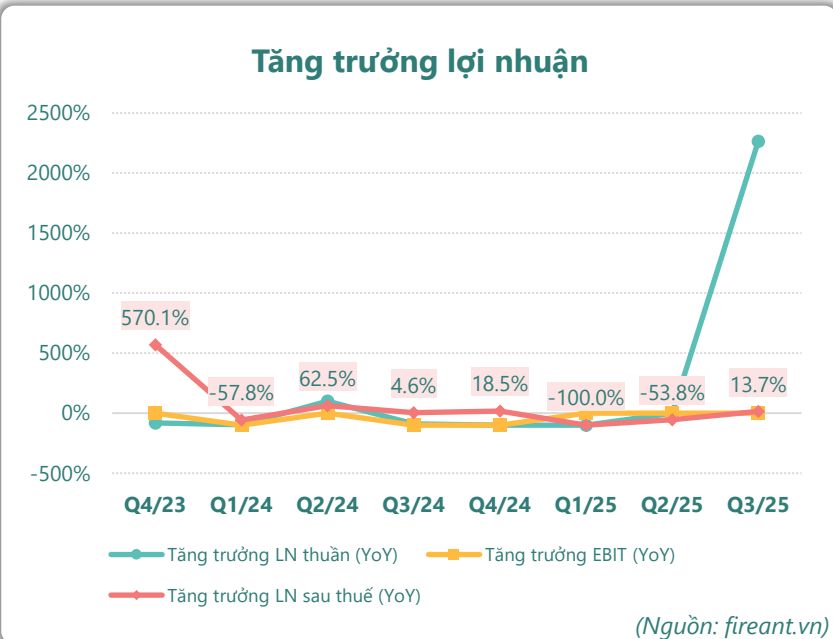
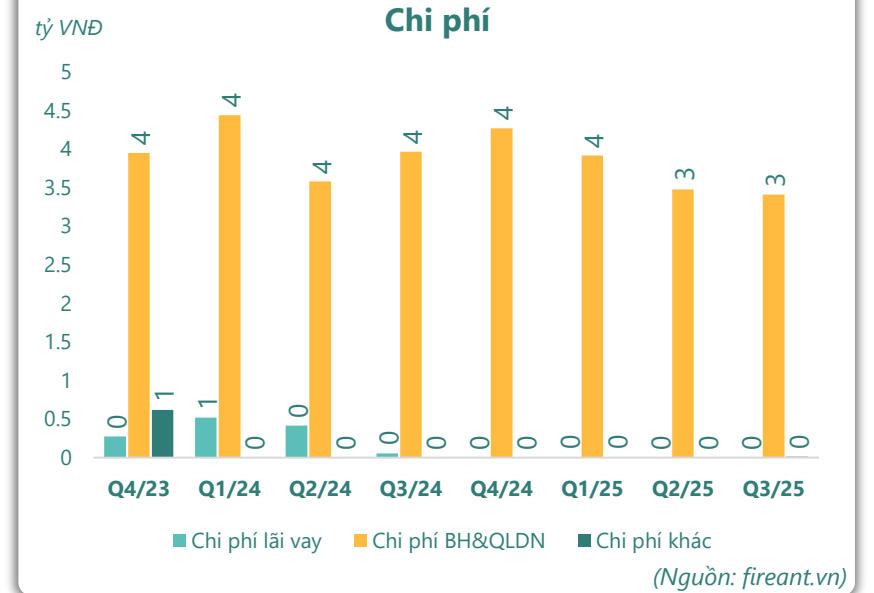
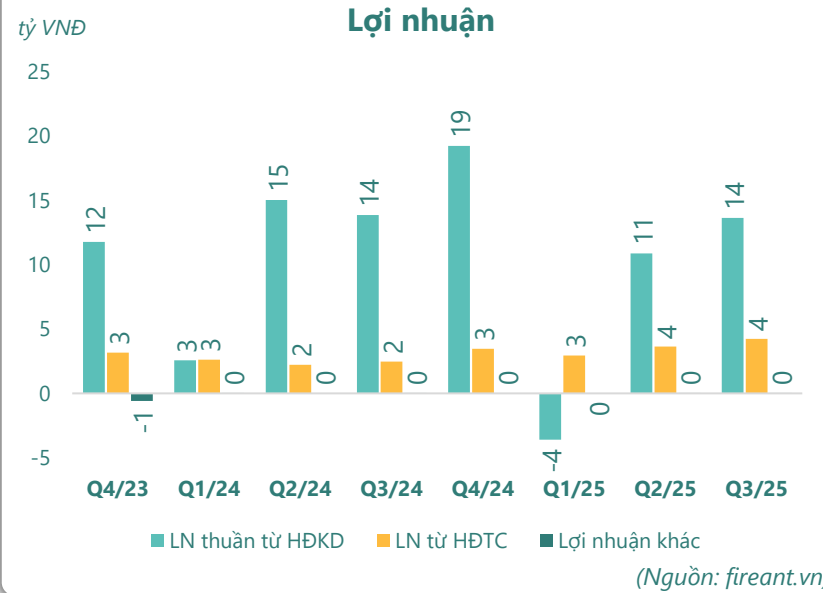
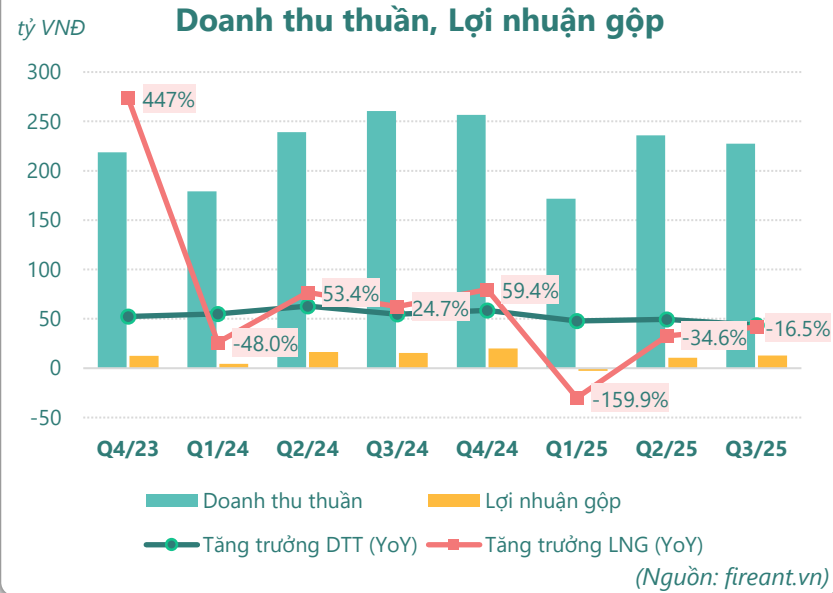
DT thuần 9T 2025
635
tỷ VNĐ
YoY: ▼43.0 -6.4%

LN thuần 9T 2025
20.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.6 -33.5%

LN sau thuế 9T 2025
16.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.80 -34.8%



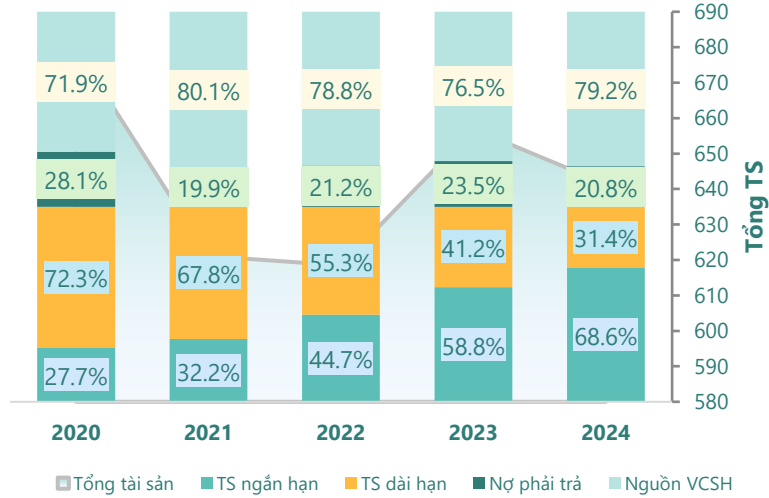
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

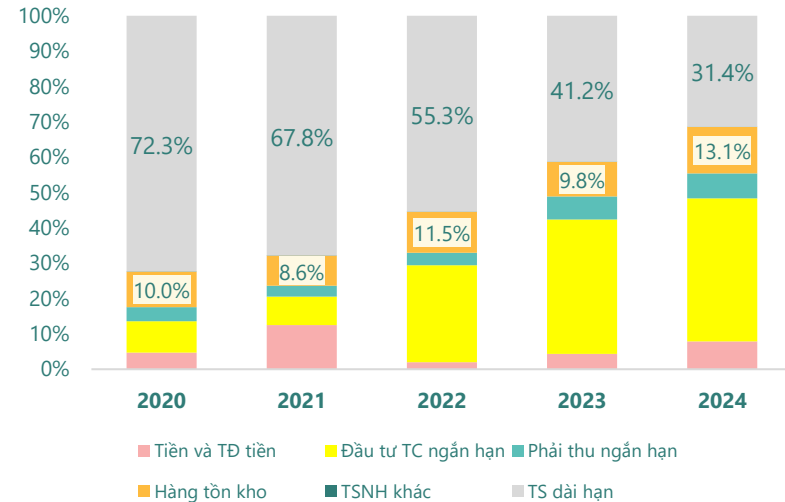
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

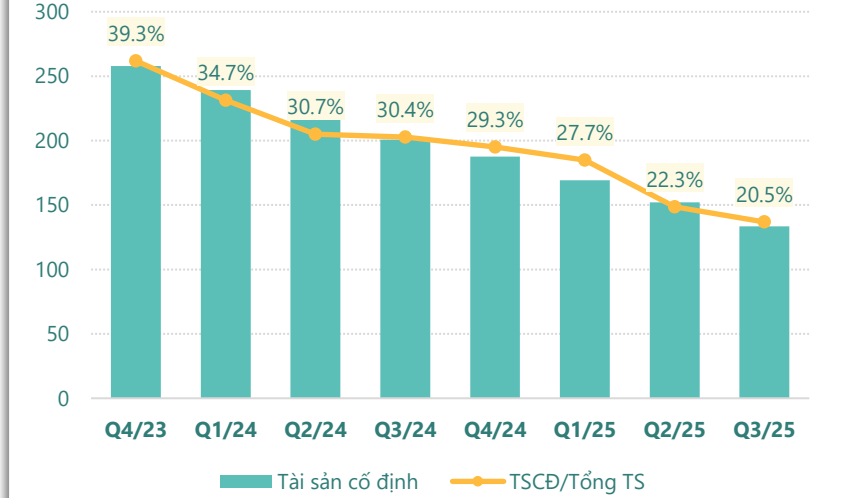
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

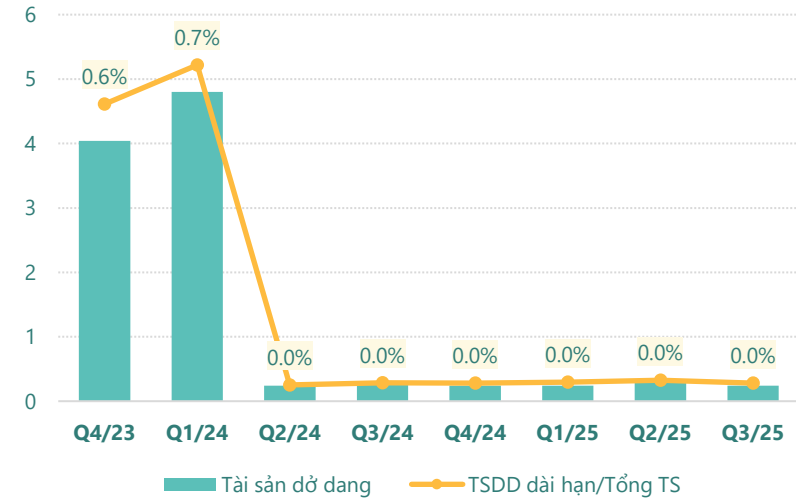
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

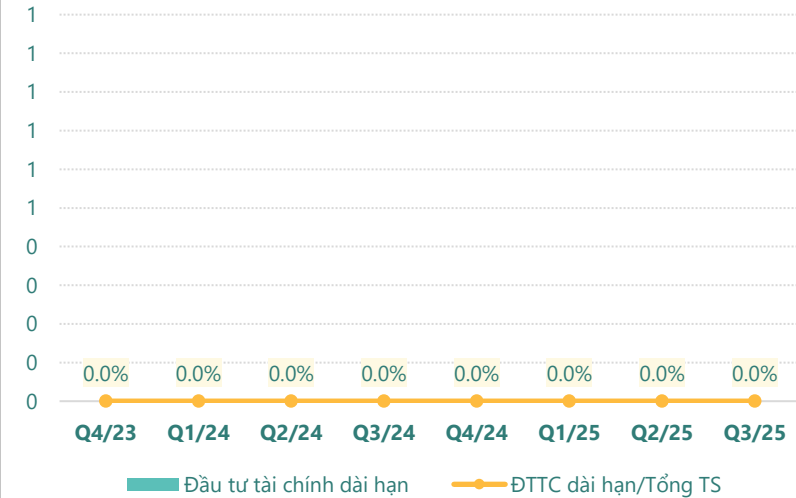
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

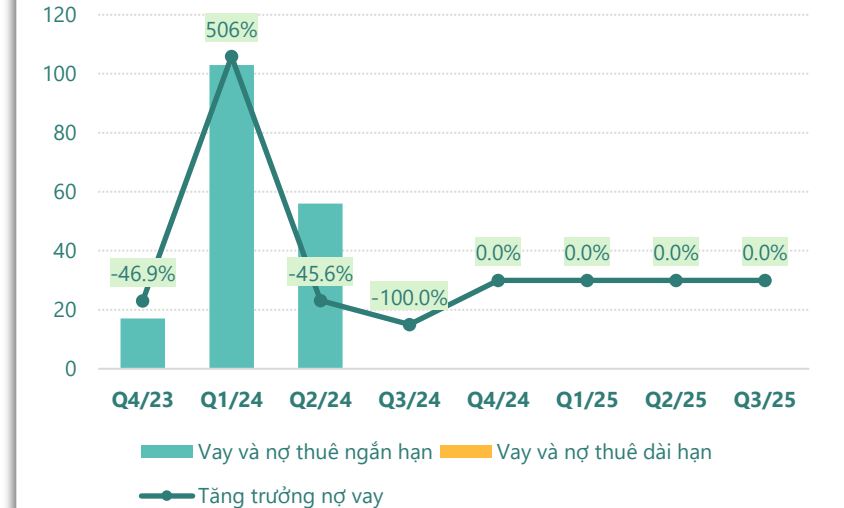
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

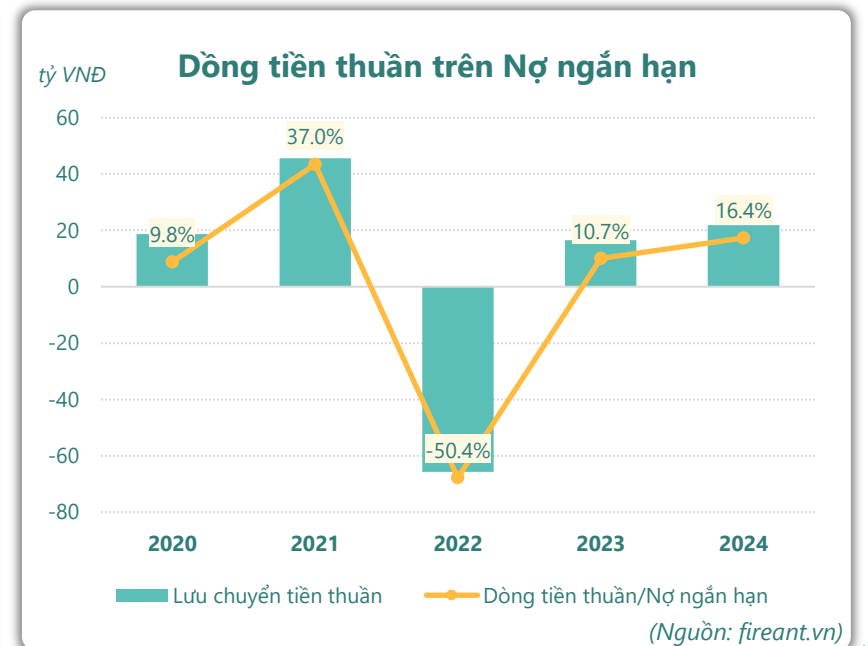
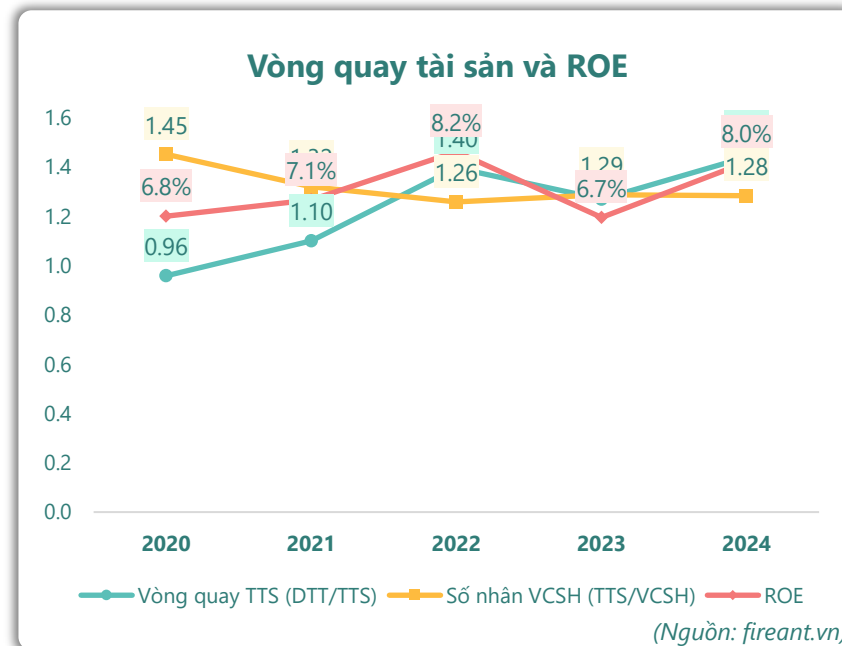
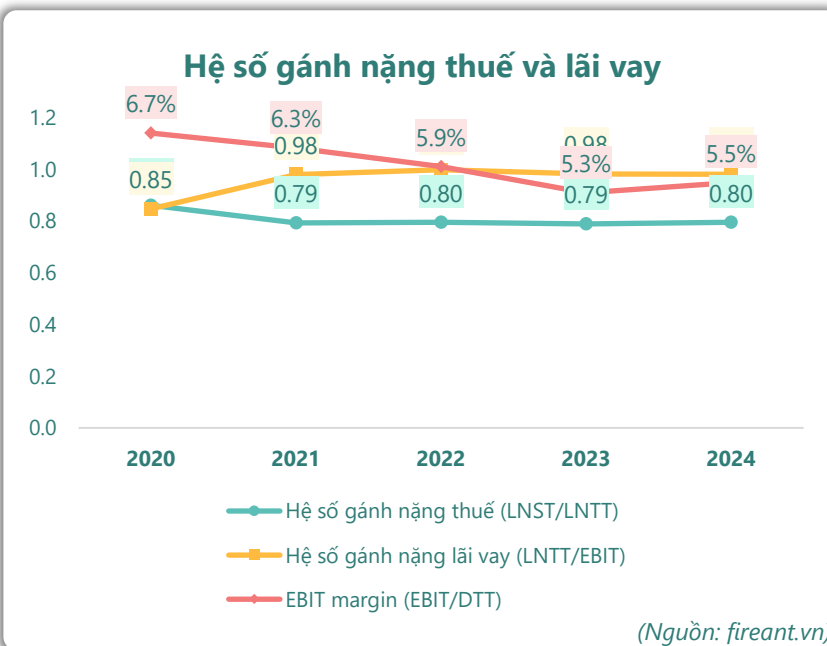
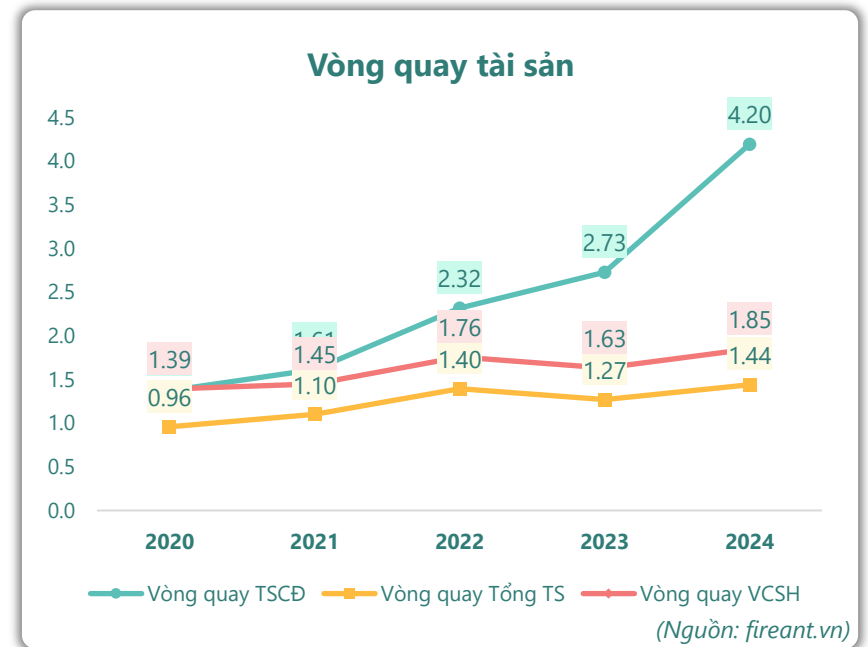
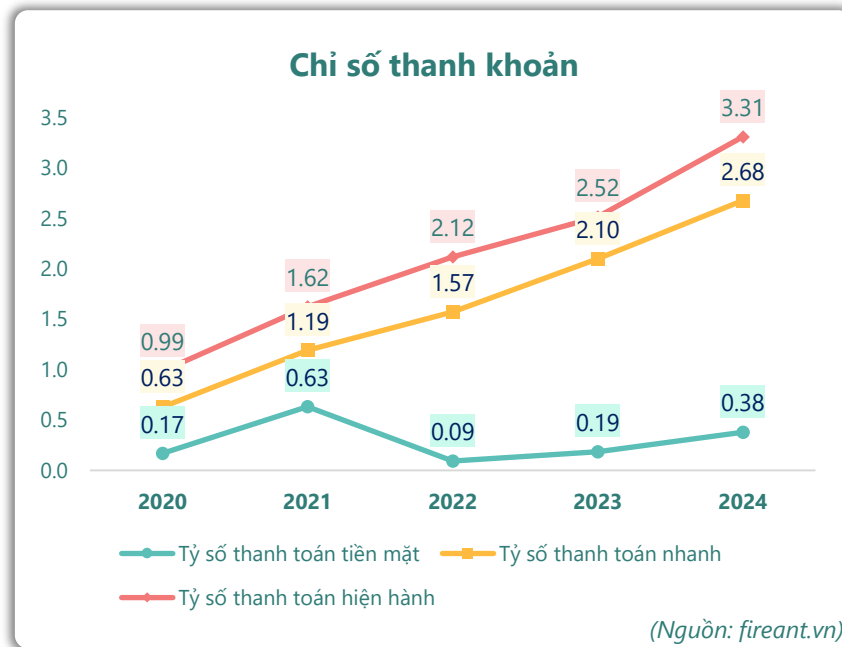
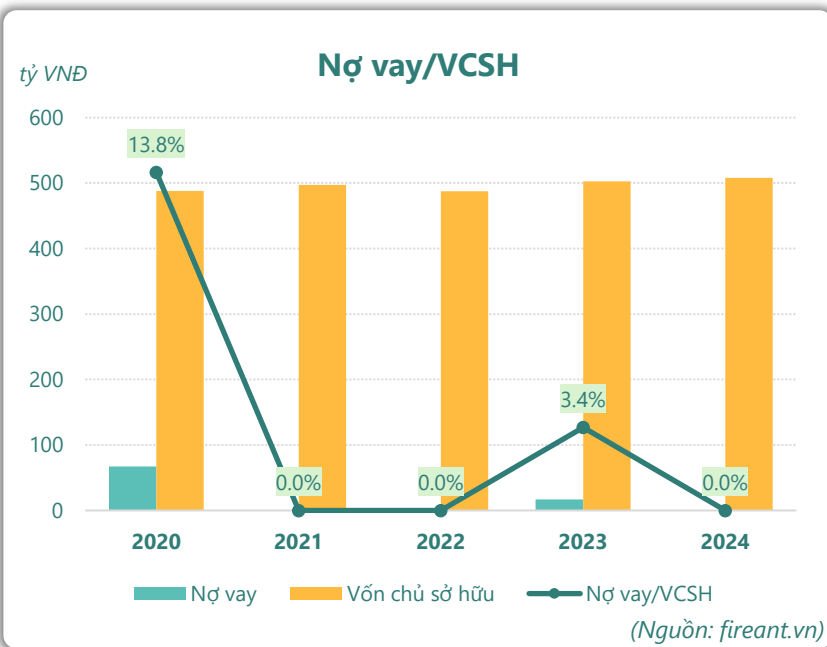
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	227	260	-12.6%	635	678	-6.4%
Giá vốn hàng bán	214	245	-12.5%	614	642	-4.4%
Lợi nhuận gộp	12.8	15.4	-16.7%	20.9	36.2	-42.1%
Doanh thu HĐTC	4.24	2.53	67.4%	10.8	8.31	30.2%
Chi phí TC	0	0.06	-100%	0.00	0.99	-99.5%
Chi phí lãi vay	0	0.06	-100%	0.00	0.99	-99.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.00	0.35	-99.9%	0.28	0.91	-69.1%
Chi phí QLDN	3.41	3.61	-5.5%	10.5	11.1	-4.9%
LN thuần từ HĐKD	13.7	13.9	-1.8%	20.9	31.5	-33.5%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.00	0.00	-122%
LN trước thuế	13.7	13.9	-1.8%	20.9	31.5	-33.5%
Lợi nhuận sau thuế	10.6	11.1	-4.6%	16.4	25.2	-34.8%
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	11.1	-4.6%	16.4	25.2	-34.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.1	89.3	-26.7	-7.38	112	13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.82	201	-150	-7.93	-42.8	-23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.9	-78.9	-0.60	-0.01	-0.11	-30.4
Tiền đầu kỳ	29.2	16.6	228	50.4	35.1	104
Lưu chuyển tiền thuần	-12.5	211	-177	-15.3	69.3	-40.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.6	228	50.4	35.1	104	64.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	650	641	1.3%
Tài sản ngắn hạn	505	440	14.7%
Tiền và tương đương tiền	64.0	50.4	26.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	343	260	32.0%
Phải thu ngắn hạn	40.9	45.4	-10.0%
Hàng tồn kho	57.0	84.0	-32.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.78	-59.4%
Tài sản dài hạn	145	201	-28.0%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	133	188	-28.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.24	0.24	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.3	13.3	-14.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	161	133	20.7%
Nợ ngắn hạn	161	133	20.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.0	21.2	-33.9%
Nợ dài hạn	0.17	0.17	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	489	508	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	489	508	-3.8%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

